

Bản án số 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25.9. 2024

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Cường, bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Đình C**, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Số K T, quận T, thành phố Đà Nẵng**; (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Đào Thị Ngọc T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: **G T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô **Đào Thị Ngọc T** kết hôn vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung, vợ chồng không tôn trọng nhau. Hai vợ chồng đã ly thân hơn 3 năm nay. Mặc dù tôi đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện nay, tôi xác định không còn tình cảm với bà **T**, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung gồm **Bùi Đình V**, sinh ngày 22.02.1999 và **Bùi Văn V1**, sinh ngày 13.7.2009. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu **Bùi Văn V1**, không yêu cầu cô **T** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu **V** đã đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **T** để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà **T** không có mặt nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho ông **C** được ly hôn với bà **T**. Về con chung, giao con **Bùi Văn V1**, sinh ngày 13.7.2009 cho ông **C** trực tiếp nuôi dưỡng. Bà **T** không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi; Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa ông **C** bà **T** là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn **quận T** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Ông **C** bà **T** kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **X**, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông **C** bà **T** đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của ông **C** bà **T** thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Hai người đã ly thân một thời gian dài, không ai có trách nhiệm hay quan hệ gì với nhau. Trong quá trình

giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **T** để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà **T** vẫn không đến Tòa án để giải quyết và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình chứng tỏ bà **T** không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **C** về việc ly hôn với bà **T** là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Ông **C** bà **T** có 02 con chung gồm **Bùi Đình V**, sinh ngày 22.02.1999 và **Bùi Văn V1**, sinh ngày 13.7.2009. Ly hôn ông **C** yêu cầu được nuôi cháu **Bùi Văn V1**, không yêu cầu bà **T** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu **V** đã đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chung chưa thành niên đang ở với ông **C**. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt ổn định của con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông **C** về yêu cầu nuôi dưỡng con chưa thành niên là có cơ sở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông **C** xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông **C** phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Đình C** về việc “Ly hôn” đối với bà **Đào Thị Ngọc T**.

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Đình C** được ly hôn với bà **Đào Thị Ngọc T**.

- Về con chung: Giao 01 con chung là **Bùi Văn V1**, sinh ngày 13.7.2009 cho ông **Bùi Đình C** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Bà **Đào Thị Ngọc T** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông **Bùi Đình C** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông **C** đã nộp theo biên lai thu số 1366 ngày 10.7.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q. Thanh Khê;

- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;

- UBND p. Xuân Hà;

- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường

